TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Diệp Ngọc Dinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Trúc G, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Số B đường Y, Tổ B, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương Minh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Tạ Trọng N, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Số A, Tổ C, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 25/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Trúc G trình bày:*** Bà Nguyễn Trúc G và ông Tạ Trọng N tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 26/3/2019. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng ông N thường xuyên nhậu, mỗi lần nhậu về lại kiếm chuyện nên vợ chồng cự cãi trong khi vợ chồng rất ít khi sống chung với nhau vì kể từ khi sinh con bà G và con sống chung với cha mẹ ruột. Bà G đã khuyên ông G rất nhiều để ông N thay đổi nhưng ông N vẫn không thay đổi. Nay bà G nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, tình cảm bà G dành cho ông N không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Tạ Trọng N.

Về con chung: Bà G và ông N có 02 người con chung là cháu Tạ Trúc L, sinh ngày 08/9/2019 và Tạ Khánh L1, sinh ngày 07/3/2021. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được

trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu vì kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay các cháu đang sống chung với bà G.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Tạ Trọng N trình bày***: Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Tạ Trọng N không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến***:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

+ Về mặt nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà G và ông N đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, nhận thấy cháu Tạ Trúc L, sinh ngày 08/9/2019 và Tạ Khánh L1, sinh ngày 07/3/2021 đang sống chung với bà G nên căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho bà G được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông N sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 26/3/2019 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn bà G cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là ông N thường xuyên nhậu rồi về lại kiếm chuyện, vợ chồng đã cố gắng tìm tiếng nói chung nhưng không có kết quả.

Xét thấy: Nguyên đơn bà G xác định quá trình sống chung, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau, hiện không còn tình cảm với ông N. Bị đơn ông ông Tạ Trọng N đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng ông N không chấp hành và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu của bà G, chứng tỏ ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương cũng được biết ông N

thường xuyên nhậu, hiện bà G và các con đang sống chung với cha mẹ ruột bà G. Do tình trạng mâu thuẫn giữa bà G và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà G yêu cầu được ly hôn với ông N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà G và ông N có 02 con chung là cháu Tạ Trúc L, sinh ngày 08/9/2019 và Tạ Khánh L1, sinh ngày 07/3/2021. Khi ly hôn bà G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy: Hiện con chung đang do bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Phía ông N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà G. Do con chung hiện đang sinh sống ổn định với bà G nên cần tiếp tục giao con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trúc G đối với bị đơn ông Tạ Trọng N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc G được ly hôn với ông Tạ Trọng N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Tạ Trúc L, sinh ngày 08/9/2019 và Tạ Khánh L1, sinh ngày 07/3/2021 cho bà Nguyễn Trúc G trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Trúc G phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002242 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng